

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI
TRƯỜNG THPT CHUYÊN NGUYỄN HUỆ

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường THPT chuyên Nguyễn Huệ,
năm học 2025 - 2026**

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	54	
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	54	
2	Số phòng học bộ môn	6	
3	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	0	
4	Bình quân học sinh/lớp	1875/54	34,7 hs/lớp
III	Tổng số diện tích đất	55.871	
IV	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập	25.000	18
V	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m2)	2.600	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m2)	360	
3	Diện tích thư viện (m2)	1.800	
4	Diện tích nhà tập đa năng (m2)	1.147	
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn (m2)	30	
6	Diện tích phòng truyền thống (m2)	100	
VI	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1,1	Khối lớp 10	3	01 bộ/05 lớp
1,2	Khối lớp 11	3	01 bộ/05 lớp
1,3	Khối lớp 12	3	01 bộ/05 lớp
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2,1	Khối lớp 10	0	
2,2	Khối lớp 11	0	
2,3	Khối lớp 12	0	
VII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (đơn vị tính: bộ)	150	Số học sinh/ bộ

	Nội dung	Số lượng (m2)
VIII	Nhà bếp	352 m2
IX	Nhà ăn	706 m2

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m2)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
X	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	80 phòng x 20 m2 = 1600	320	5 m2/1 chỗ
XI	Khu nội trú	50 phòng x 20 m2 = 1000	100	10 m2/1 chỗ

XII	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m2/học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh	x		x		
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh					

	Nội dung	Có	Không
XIII	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XIV	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XV	Kết nối internet	x	
XVI	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XVII	Tường rào xây	x	

Hà Nội, ngày 10 tháng 6 năm 2026

Thủ trưởng đơn vị



Lương Quỳnh Lan

